

LUYỆN CHO TRẺ MẪU GIÁO LỚN SỬ DỤNG CÁCH NÓI SO SÁNH TRONG TIẾT HỌC “LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH”

○ THS. NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG*

Số sánh (SS) là một trong những thao tác tư duy dùng để nhận thức thế giới, nhận thức hiện thực khách quan. SS được sử dụng thường xuyên, liên tục trong hoạt động giao tiếp thuộc mọi lĩnh vực của đời sống. Ngay từ khi còn được bế ẵm trên tay cho tới khi chấp chững biết đi rồi tới trường mẫu giáo, có lẽ trẻ không ít lần được nghe mẹ nói nựng, hát ru những lời thơ, câu ca điệu các hình ảnh SS. Phần nào đó trẻ hiểu về thế giới xung quanh qua các phép SS trong lời mẹ ru, mẹ hát. Có thể nói, việc trẻ biết dùng và dùng đúng phép SS trong lời nói của mình vừa phản ánh được năng lực nhận thức thế giới vừa bộc lộ được khả năng diễn đạt của trẻ. Qua SS, trẻ nhận thức đúng đắn bản chất của đối tượng, lời nói thêm sinh động và có hình ảnh. Tìm hiểu về SS, đặc biệt là rèn luyện cho trẻ cách sử dụng SS trong lời nói là điều hết sức cần thiết đối với giáo viên (GV) mẫu giáo và những người làm công tác nghiên cứu giáo dục nhằm phát triển ngôn ngữ và năng lực tư duy ở trẻ. Bài viết đề cập vấn đề rèn luyện cho trẻ mẫu giáo lớn sử dụng cách nói SS trong tiết học “*Làm quen với môi trường xung quanh (MTXQ)*”.

1. “*Làm quen với MTXQ*” được xác định là một trong những tiết học (theo phương pháp đổi mới, phương pháp tích hợp) có vai trò rất quan trọng trong quá trình giáo dục trẻ, tăng cường nhận thức, phát triển năng lực tư duy và năng lực ngôn ngữ, đặc biệt là đối với trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tuổi. Hoạt động làm quen với môi trường xung quanh sẽ giúp trẻ từng bước khám phá thế giới xung quanh thông qua việc tiếp xúc với sự vật, hiện tượng sinh động của đời sống tự nhiên..., để từ đó có được những nhận thức ngày một chính xác, đầy đủ hơn về những sự vật, hiện tượng đó với một tình thần tích cực, chủ động nhận thức. Một trong những thao tác có khả năng giúp trẻ trong việc nhận thức này chính là SS.

Nội dung của tiết học “*Làm quen với MTXQ*” rất đa dạng, phong phú. MTXQ có thể chỉ là một

số loại rau, quả, cây cối hoặc côn trùng, muông thú; một số đồ dùng trong gia đình hoặc đồ dùng học tập, hay đồ chơi gắn gũi, quen thuộc... Môi trường xung quanh cũng có thể là ông bà, cha mẹ, anh chị em với tuổi tác, nghề nghiệp, tính tình rất khác nhau; là những danh lam thắng cảnh, những dòng sông, ngọn núi, cánh vật... xung quanh nhà.

Việc làm quen với MTXQ sẽ tạo điều kiện cho trẻ lĩnh hội các biểu tượng khái quát về sự vật hiện tượng, hiểu được mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng. Vì thế, khi tổ chức cho trẻ làm quen với MTXQ một cách đúng đắn, trẻ không những lĩnh hội được tri thức về sự vật hiện tượng mà còn học được cách thức tiếp cận đối tượng cũng như cách thức khám phá bản chất của sự vật, hiện tượng đó. Qua quá trình nhận thức này, các phẩm chất trí tuệ và ngôn ngữ của trẻ ngày càng phát triển và hoàn thiện.

2. Để luyện tập cho trẻ mẫu giáo lớn sử dụng cách nói SS trong tiết học “*Làm quen với MTXQ*”, có thể chia tiết học thành hai nội dung hoạt động chính:

1) *Hoạt động tìm hiểu đối tượng để tạo nhận thức chính xác, đầy đủ cho trẻ về đối tượng ấy.* GV hướng dẫn trẻ phát hiện những đặc điểm bản chất, nổi bật, dễ thấy của đối tượng được làm quen bằng cách có - trò cùng đàm thoại. Hoạt động này hiện nay rất phổ biến ở tất cả trường mẫu giáo trong tiết GV hướng dẫn trẻ tìm hiểu MTXQ. Chỉ khi có nhận thức về đối tượng, trẻ mới có cơ sở, có chuẩn dùng để SS trong hoạt động tiếp theo.

Ví dụ: Tiết *Làm quen với một số loại quả*. Cô đưa ra chiếc túi, trong đựng một số loại quả mà trẻ thường được ăn hàng ngày; lần lượt lấy ra từng quả và cho trẻ gọi tên quả đó. Khi trẻ gọi đúng tên, cô đặt quả ấy ở một vị trí thuận lợi nhất cho trẻ quan sát và sau đó tiến hành đàm thoại

* Khoa Giáo dục mầm non - Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương

với trẻ. Qua đàm thoại, dẫn dắt của cô về một số loại quả (quả ổi, quả chuối, quả na,...), trẻ sẽ nhận ra những đặc điểm quan trọng nhất của từng loại quả: Quả ổi (chín): màu đỏ, dài như một ngón tay, vỏ nhẵn, ăn cay xé lưỡi; Quả chuối (thêu): màu vàng, hình dài và cong, vỏ nhẵn, mùi thơm, ăn ngọt; Quả na (chín): màu xanh, hình tròn, vỏ sần sùi có nhiều mắt, ăn ngọt.

Sau đó, cô có thể đọc một số câu đố về quả ổi, quả chuối, quả na để củng cố nhận thức của trẻ: - *Quả gì nhỏ nhỏ/Chín đỏ như hoa/Tươi đẹp vườn nhà/Mà cay xé lưỡi (quả ổi); - Nhiều quả dài, cong/Xếp thành một nải/Nải xếp thành buồng/Khi chín vàng thơm/Ăn ngon ngọt lắm/Là quả gì? (quả chuối); - Quả gì nhiều mắt/Khi chín nứt ra/Ruột trắng nõn nà/Hạt đen nhanh nhánh (quả na).*

Có thể nói, tất cả những hiểu biết trên đây về các loại quả được tiến hành trong hoạt động thứ nhất sẽ trở thành kiến thức nền tảng để trẻ nhận thức đúng đắn về bản chất của đối tượng. Sau hoạt động này, GV chỉ cần nêu một vài đặc điểm bản chất của một loại quả nào đó là trẻ có khả năng gọi tên chính xác loại quả đó. Rõ ràng là, không có những hiểu biết bản chất về các đối tượng được tìm hiểu, trẻ khó có thể tiến hành SS trong hoạt động 2.

2) **Hoạt động luyện tập cách nói SS.** Việc sử dụng thao tác SS tìm hiểu đối tượng sẽ giúp trẻ nhận thức rõ hơn về cả đối tượng được đem ra SS và đối tượng SS. Nhưng quá trình nhận thức lại diễn ra trong tư duy và là sản phẩm của tư duy, vì thế muốn trao đổi nhận thức của mình với cô giáo hoặc các bạn, trẻ buộc phải mã hóa những suy nghĩ, những điều mình nhận thức được bằng thao tác SS thành các tín hiệu ngôn ngữ. Khi chuyển sang tín hiệu ngôn ngữ, mô hình cấu tạo đầy đủ của SS thường bao gồm 4 yếu tố sau đây: *đối tượng được SS (vế A) - phương diện SS - từ SS- đối tượng dùng để SS (vế B).*

VẾ A (Yếu tố 1)	Phương diện SS (Yếu tố 2)	Từ SS (Yếu tố 3)	VẾ B (Yếu tố 4)
Trắng	tròn	như	cái đĩa

Nhìn chung, khi SS về A với vế B, vế B được xác định là chuẩn SS, chuẩn đối chiếu. Bình thường, ta nói: «*Con thông minh như bố*» mà không nói «*Bố thông minh như con*» vì «*bố*» (ở vế B) được coi là chuẩn SS. Trong nhiều trường

hợp, vế chuẩn SS được nêu cụ thể, đủ rõ, để người đọc nhận ra, vì đó là vế được dùng để bộc lộ thái độ, tình cảm hoặc cách nhìn nhận, cách đánh giá của người nói, người viết. Song, cũng không ít trường hợp, để đảm bảo tính ngắn gọn hoặc để người đọc, người nghe buộc phải suy ngẫm, tưởng tượng, vế chuẩn SS sẽ không đầy đủ. Ví dụ, trong SS «*Dai như đĩa*» thì A chỉ tính chất dai, B là chuẩn SS «*đĩa*». Nếu phép SS này đầy đủ thì cần phải viết là «*dai như đĩa bằm*», hoặc «*dai như đĩa dẹt*», nhưng B ở đây không đầy đủ nên cái đích nhận thức không phải là chính con đĩa mà phải là đặc điểm «*bằm dẹt*» của nó. Những SS kiểu như: *bạc như vôi, cảm như hến, chậm như rùa, chua như dấm, bằm như đĩa dẹt, bán như trâu đằm, chắc như cua đá, béo như con cún cút, căng như mặt trống, chật như nếm cối...* là những SS theo cách không đầy đủ trên.

Việc luyện cho trẻ sử dụng cách nói SS có thể được tiến hành theo những cách khác nhau. SS về mức độ, có: SS ngang bằng và SS hơn kém; SS về chủng loại, có: SS đồng loại và SS dị loại; SS về tính chất biểu cảm, có: SS từ ngữ và SS logic... Tuy vậy, ở trẻ mẫu giáo lớn, vì sự phát triển về tâm sinh lí chưa đầy đủ nên GV chỉ cần tập trung luyện tập cho các cháu cách nói SS về mức độ và SS về chủng loại. Ví dụ, trong tiết *Làm quen với một số loại quả* đã nêu ở trên, sau hoạt động làm quen, GV cho trẻ tập nhận xét về các loại quả thông qua việc sử dụng phép SS. Có thể nêu những câu hỏi như: - *Quả na ngọt như quả nào? (Quả na ngọt như quả chuối - SS ngang bằng/đồng loại); - Quả na và quả chuối quả nào ngọt hơn? (Quả chuối/quả na ngọt hơn - SS hơn/đồng loại); - Quả chuối và quả ổi, quả nào nhỏ hơn (Quả ổi nhỏ hơn quả chuối - SS kém hơn/đồng loại).*

Điều quan trọng là trong câu trả lời của trẻ, GV cần yêu cầu trẻ trả lời đầy đủ cả câu, trong đó có sử dụng cấu tạo của phép SS. Không để trẻ trả lời bằng một từ, hoặc trả lời mà trong lời nói không có cấu trúc SS, kiểu như: *quả na ơ/quả chuối ơ/quả ổi ơ...* Bởi lẽ, cách trả lời như vậy sẽ không tạo được cho trẻ thói quen sử dụng phép SS trong lời nói.

Việc sử dụng phép SS dị loại tương đối khó

(Xem tiếp trang 44)

Chương trình ở tiểu học, có rất nhiều môn liên quan đến thực hành như: *Thủ công - Kỹ thuật, Mỹ thuật, Đạo đức, Khoa học, Tự nhiên xã hội*... Vì vậy, việc GDMT cũng có thể cho HS thực hành vào các công việc đơn giản, nhưng sẽ đem lại ý nghĩa giáo dục cao.

Sau những bài học của các môn có nhiều cơ hội GDMT, GV có thể hướng dẫn HS thực hành ở ngoài tại lớp hoặc giao nhiệm vụ về nhà: + Với môn *Đạo đức*, có thể cho HS thực hành: dọn vệ sinh phòng ngủ, bàn học, quét nhà, quét sân, quét lớp...; + Với các môn *Tự nhiên và Xã hội, Khoa học*, cho HS thực hành: vệ sinh cá nhân, chăm sóc cây cối, vật nuôi, hướng dẫn thực hành một số thí nghiệm đơn giản như: trồng cây, làm hạt nảy mầm...; + Với môn *Thủ công - Kỹ thuật, Mỹ thuật*, cho HS làm các sản phẩm đơn giản như: sử dụng giấy loại để gấp, vẽ hình các con vật khác nhau, làm hoa để trang trí, lý lịch cũ làm để dùng học tập...; + Các lớp học có thể tổ chức những hoạt động thực hành tập thể như dọn vệ sinh lớp học, sân trường, khu vệ sinh công cộng...

Những việc làm nói trên không chỉ giáo dục ý thức, thái độ, hành vi bảo vệ MT, mà còn giáo dục cho HS có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, biết tái chế, sử dụng lại những nguyên liệu, trân trọng những thành quả lao động và sản phẩm lao động. □

Tài liệu tham khảo

1. Các hướng dẫn chung về giáo dục môi trường dành cho người đào tạo giáo viên. Dự án VE95/041, H. 1997.
2. Bộ GD-ĐT. Giáo dục môi trường cho giảng viên khoa tiểu học các trường sư phạm. *Tài liệu tập huấn*, H. 2010.
3. Viện Chiến lược và chương trình giáo dục. *Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong chương trình giáo dục tiểu học*. H. 2005.
4. Nguyễn Anh Dũng (chủ biên) - Nguyễn Tuyết Nga - Nguyễn Minh Phương - Phạm Thị Sen. *Lịch sử và Địa lý 4*. NXB Giáo dục, H. 2007.

SUMMARY

Environmental education in schools in general and primary schools in particular are very important issues and are now top concerns. Environmental education has been taught very much integrated in different subjects. The article provides some methods for environmental education to elementary school pupils to gain more education effectiveness.

Luyện cho trẻ mẫu giáo lớn...

(Tiếp theo trang 24)

Đối với trẻ mẫu giáo lớn, bởi muốn tạo được cách nói SS loại này trẻ phải có một số vốn hiểu biết đủ lớn để nhận thức, để liên tưởng và tưởng tượng. Thường thì, SS dị loại để lại dấu ấn về tình cảm, thái độ một cách hết sức rõ ràng trong việc đánh giá đối tượng được SS. Nếu đối tượng được đem ra SS là người, còn đối tượng dùng để SS là loài vật mà theo nhận thức chung của mọi người là không tốt, không đẹp... thì thái độ bộc lộ càng rõ ràng và đậm nét hơn. Ví dụ: *Nó nói dai như đĩa; Nó tinh ranh như một con sói*... Chính vì thế, việc luyện cho trẻ mẫu giáo lớn dùng phép SS dị loại chưa cần phải đặt ra.

Việc dùng phép SS không phải lúc nào cũng thật cần thiết. Tuy vậy, sử dụng SS trong lời nói đúng lúc, đúng chỗ giúp tạo ra những cách nói giàu hình ảnh, sinh động, gắn gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày, đồng thời nhẹ nhàng, dễ hiểu đối với người đọc, người nghe. Chính vì những lợi thế của phép SS, chúng ta cần giúp trẻ biết cách dùng SS trong lời nói của mình ngay từ khi còn nhỏ để trẻ phát triển được khả năng liên tưởng, tưởng tượng, từ đó nói năng có “dùng” hơn, mượt mà và giàu hình ảnh hơn. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Khoa. *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 1997.
2. Duy Lập (dịch). *Phát triển trí tưởng tượng và sáng tạo của trẻ em*. NXB Thanh niên, H. 2008.
3. Đinh Hồng Thái. *Giáo trình Phương pháp phát triển lời nói trẻ em*. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2005.
4. E.I. Tikhêeva. *Phát triển ngôn ngữ trẻ em (dưới tuổi đến trường phổ thông)*. NXB Giáo dục, H. 1977.

SUMMARY

This article confirms just as a comparison operation used to thinking aware of objective reality, just as a means of language used to express the lively children's understanding of the surrounding environment. To be effective, teachers must know the organization for young Lear ambient content in two activities: cognitive activities by manipulating objects thinking and activities match the object has been perceived by a comparison.